

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2025

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, ông Triệu Duy Tỏi.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N** - sinh năm 2002

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Tô Xuân T** - sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị N xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Tô Xuân T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 8/2024 chị đã bỏ về nhà đẻ ở, sau khi chị về nhà đẻ ở anh T có đến tìm chị một lần và 02 lần đến gây sự với chị và gia đình chị, anh T luôn nhấn tin, điện thoại xúc phạm chị và bố mẹ chị, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 8/2024 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện chị không còn tình cảm với anh T nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai

bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Tô Thảo V, sinh ngày 01/6/2022. Cháu hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị đang làm công ty ở gần nhà, thu nhập bình quân từ 8 triệu đến 9.000.000 đồng/tháng. Mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ chị, điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở đảm bảo. Bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị việc chăm sóc con khi chị đi làm, cháu V còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ, do vậy chị đề nghị Tòa án giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến khi trưởng thành. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung, công sức.

- **Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án**, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Tô Xuân T và đã giao các văn bản tố tụng cho anh T biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh T đến phiên tòa nhưng anh đều không có mặt tại phiên tòa.

Lời khai của người thân gia đình chị N là bà Ngô Thị N1 xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị N là bà ngoại của cháu Tô Thảo V. Quá trình chung sống, chị N, anh T có nhiều mâu thuẫn. Tháng 8/2024 chị N đã đưa con về ở cùng với ông bà, anh T có đến tìm chị N 01 lần và đến gây sự cãi nhau với ông bà 02 lần, anh T, chị N sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N. Anh T, chị N có 01 con chung là cháu Tô Thảo V, sinh ngày 01/6/2022, cháu đang ở với mẹ, bà đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Trường hợp Tòa án giao cho chị N nuôi dưỡng cháu V, vợ chồng bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị N về chỗ ăn, ở với điều kiện tốt nhất. Quá trình chung sống anh T, chị N không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của người thân gia đình anh T là bà An Thị T1 xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Tô Xuân T và là bà nội của cháu Tô Thảo V. Quá trình chung sống anh T, chị N sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống và trong sinh hoạt hàng ngày. Đến cuối tháng 8/2024 chị N bỏ về nhà đẻ ở, sau khi chị N bỏ về nhà đẻ ở anh T đã nhiều lần đến gặp chị N hòa giải nhưng chị N không về, hai bên gia đình có gặp nhau khuyên nhủ nhưng không thành. Anh T, chị N sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Chị N xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị đoàn tụ, nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T, chị N có 01 con chung là Tô Thảo V, cháu đang ở với mẹ. Việc giải quyết nuôi dưỡng con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh T, chị N không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà. Anh T đang làm công ty sáng đi tối về nhà, thu

nhập vài triệu đồng/tháng. Anh T đang ở cùng với ông bà, nhà đất rộng rãi, vợ chồng bà vẫn khỏe mạnh. Nếu anh T được nuôi con ông bà sẽ hỗ trợ anh T về chỗ ăn, ở và việc chăm sóc con khi anh T đi làm.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T trình bày: Anh T, chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T ngày 22/01/2021. Trong thời gian chung sống anh T, chị N có mâu thuẫn, việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị N xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Tô Xuân T.

Về con chung: Xử giao cháu Tô Thảo V, sinh ngày 01/6/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Trần Thị N, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí số BLTU/23 số 0006773 ngày 24/10/2024 chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị N là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Tô Xuân T là bị đơn; Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị Trần Thị N nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa

án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh T vắng mặt không có lý do, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị N và anh Tô Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/01/2021. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị N, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị N xác định vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung. Tháng 8/2024 chị N đã đưa con về nhà để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị N, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không hợp tác. Nhận thấy hôn nhân giữa chị N, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N, do vậy xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Tô Xuân T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Phòng Q, Công an tỉnh H. Ngày 07/12/2024 Phòng Q, Công an tỉnh H có công văn trao đổi: Qua tra cứu trên phân hệ quản lý xuất nhập cảnh tại Công an tỉnh H: Trường hợp Tô Xuân T xuất cảnh lần gần nhất xuất cảnh ngày 20/8/2023, nhập cảnh ngày 03/6/2024, đều qua Sân bay N.

[4] *Về con chung*: Chị N, anh T có 01 con chung là cháu Tô Thảo V, sinh ngày 01/6/2022, ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị N thấy rằng: Đến ngày xét xử, cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Chị N đang làm công ty lương thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng, thu nhập ổn định phù hợp với bảng tổng hợp thu nhập lương do chị N cung cấp. Anh T không cung cấp chứng cứ, chứng minh thu nhập của anh cho Tòa. Bố mẹ chị N cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con. Chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy cần giao cháu Tô Thảo V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Trần Thị N, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị N khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí, lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Tô Xuân T.

2. *Về nuôi dưỡng con chung*: Xử giao con chung cháu Tô Thảo V, sinh ngày 01/6/2022 cho chị Trần Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Tô Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/2023 số: 0006773 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến